

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/07/2022 đến 30/09/2022



Hà Nội, tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2022	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Các Công ty con cho kỳ kế toán từ 01/07/2022 đến 30/09/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện....

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6, tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Từ 27/05/2019
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Từ ngày 22/06/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Từ ngày 22/06/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Từ 01/07/2022
---------------------	----------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 04 đến trang 25, và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Đặng Việt Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN				
A. HẠN	100		356,100,435,353	262,025,538,504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	97,513,759,951	8,646,594,565
1. Tiền	111		97,513,759,951	8,646,594,565
1. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	39,713	39,713
1. Chứng khoán kinh doanh	121		35,799,713	35,799,713
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35,760,000)	(35,760,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160,372,841,498	183,738,883,542
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	39,561,576,353	28,779,680,301
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	120,785,490,562	154,812,217,543
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		(17,204,925)	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42,979,508	146,985,698
IV. Hàng tồn kho	140	8	96,550,623,885	69,042,052,578
1. Hàng tồn kho	141		96,550,623,885	69,042,052,578
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,663,170,306	597,968,106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	40,330,148	135,022,571
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,621,840,158	462,945,535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1,000,000	-
TÀI SẢN DÀI				
B. HẠN	200		51,373,681,402	30,249,778,558
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,605,400,000	-
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		4,605,400,000	-
II. Tài sản cố định	220		20,836,803,162	10,782,474,828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12,764,636,495	1,542,474,828
Nguyên giá				
- TSCĐ	222		13,129,119,326	1,594,243,296
- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ	223		(364,482,831)	(51,768,468)
Tài sản cố định vô hình	227	11	8,072,166,667	9,240,000,000
Nguyên giá				
- TSVH	228		9,240,000,000	9,240,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế TSVH	229		(1,167,833,333)	-
Tài sản dở dang	240	9	23,839,401,774	17,439,129,047
IV. dài hạn	242		23,839,401,774	17,439,129,047
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23,839,401,774	17,439,129,047
Tài sản dài hạn khác	260		2,092,076,466	2,028,174,683
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2,092,076,466	2,028,174,683
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		407,474,116,755	292,275,317,062

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13,624,505,327	6,708,347,032
I. Nợ ngắn hạn	310		8,962,001,020	6,708,347,032
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5,465,991,408	4,079,460,396
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	609,703,934	1,014,721,501
3. Phải trả người lao động	314		904,349,108	687,388,340
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	951,613,614	155,433,839
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	459,000,000	200,000,000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45,092,956	45,092,956
II. Nợ dài hạn	330		4,662,504,307	-
1. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		4,605,400,000	-
D. HỮU	400		393,849,611,428	285,566,970,030
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	393,849,611,428	285,566,970,030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		296,999,910,000	197,999,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		279,131,910,000	197,999,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		17,868,000,000	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		18,918,962,963	18,956,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		195,900,595	195,900,595
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67,213,635,990	57,839,226,671
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50,296,180,947	36,281,308,683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,917,455,043	21,557,917,988
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10,521,201,880	10,575,902,764
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		407,474,116,755	292,275,317,062

Người lập biểu



Vũ Thị Liên

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngọc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022
P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.22	Quý III.21	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	10,671,963,288	14,350,332,028	33,889,482,267	54,825,324,823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20			80,924,281	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10,671,963,288	14,350,332,028	33,808,557,986	54,825,324,823
4. Giá vốn hàng bán	11	21	7,547,062,883	6,875,436,130	17,522,624,001	38,705,154,453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,124,900,405	7,474,895,898	16,285,933,985	16,120,170,370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	875,204	265,792	21,823,563	455,847,046
7. Chi phí tài chính	22	23	28,994,000	2,312,500	47,253,720	225,272,560
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23				18,259,720	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24				-	-
9. Chi phí bán hàng	25	24	686,570,620	35,800,000	1,057,163,027	66,311,457
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2,199,481,064	1,150,710,456	6,357,161,812	3,896,411,087
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210,729,925	6,286,338,734	8,846,178,989	12,388,022,312
12. Thu nhập khác	31	26		-	30,497,086	3,022,840
13. Chi phí khác	32	27	24,174,202	110,529,410	90,506,565	122,821,334
14. Lợi nhuận khác	40		(24,174,202)	(110,529,410)	(60,009,479)	(119,798,494)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		186,555,723	6,175,809,324	8,786,169,510	12,268,223,818
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-	218,795,507	554,156,572
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		186,555,723	6,175,809,324	8,567,374,003	11,714,067,246
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		219,612,193	6,198,445,975	8,465,522,241	10,538,090,079

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh,
 P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
 Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.22	Quý III.21	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(33,056,470)	(22,636,651)	101,851,762	1,175,977,167
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6	312	288	592
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30				

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Giám đốc



Vũ Thị Liên

Vũ Thị Ngọc

Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/9/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27,239,280,239	83,517,150,407
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(91,265,931,767)	(343,300,337,035)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,489,970,650)	(2,614,729,544)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(5,753,425)	-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(886,751,770)	(2,175,077,972)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		81,067,132,707	131,590,703,860
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23,895,700,635)	(14,638,547,215)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(11,237,695,301)	(147,620,837,499)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(209,903,280)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(61,000,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	56,000,000,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(70,140,000,000)	(45,028,000,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,045,793,967	13,962,928,393
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(48,304,109,313)	(36,065,071,607)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/9/2021
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		160,209,970,000	173,160,000,000
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		540,330,000	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		(12,341,330,000)	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		148,408,970,000	173,160,000,000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		88,867,165,386	(10,525,909,106)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		8,646,594,565	15,393,163,476
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	3	97,513,759,951	4,867,254,370

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Liên

Vũ Thị Ngọc

Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/09/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty trên báo cáo tại thời điểm công bố báo cáo này vốn điều lệ của công ty là 296.999.910.000 đồng, được chia làm 29.699.991 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6, tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng ; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện....

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng

5. Cấu trúc tập đoàn

Tổng số các Công ty con : 07

Số lượng Các Công ty con được hợp nhất: 07

Số lượng Các Công ty con không được hợp nhất: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên	Ngành hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản; hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế..	4.800.000.000	100%
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	50.000.000.000	99.674%
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	Hoạt động chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.	20.000.000.000	100%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	47.868.000.000	81%
Công ty cổ phần công nghệ cao G7	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại.	50.000.000.000	99%
Công ty cổ phần phòng khám Ba Đình	Hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	5.000.000.000	98%
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Vinam	Sản xuất phần mềm, lập trình máy tính	30.000.000.000	98%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con:

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các công ty liên kết và liên doanh

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày Công ty mẹ đạt quyền kiểm soát được trình bày như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 10 năm. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm thì thực hiện phân bổ theo giá trị tổn thất

Khi thoái vốn khỏi Công ty con thì giá trị khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi giảm tương ứng với tỷ lệ vốn thoái và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán trong trường hợp Công ty mẹ vẫn nắm quyền kiểm soát Công ty con hoặc được ghi giảm toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp Công ty mẹ hết quyền kiểm soát tại Công ty con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	4.707.350.103	3.158.990.822
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	92.806.409.848	5.487.603.743
Cộng	97.513.759.951	8.646.594.565

CÔNG TY CP VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/07/2022 đến 30/09/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	35.799.713	39.713	35.799.713	39.713
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (5.000.000 CP)	35.799.713	39.713	35.799.713	39.713
		(35.760.000)		(35.760.000)

(*) Theo quy định tại thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chi đánh giá được những khoản đầu tư với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/09/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Omega Việt Nam	1.623.114.864			3.605.499.480
Công ty thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn	7.278.322.500			15.157.994.500
Công ty CP Trang Thiết Bị Y Tế Phương Nam	14.333.079.829			7.594.329.903
Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật	4.514.680.000			
Công ty TNHH Thương mại AT&T	2.435.166.410			
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.377.212.750			2.421.856.418
Cộng	39.561.576.353		39.561.576.353	28.779.680.301

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	29.747.292.543	29.747.292.543
Công ty TNHH Công trình và thiết bị Kỹ thuật Miền Nam	38.650.000.000	38.650.000.000
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	22.188.438.356	8.500.000.000
Công ty TNHH Môi trường y tế Công nghệ cao	27.375.000.000	53.875.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật HOYO CO.,LTD	2.218.795.740	23.500.000.000
Đối tượng khác	605.963.923	539.925.000
Cộng	120.785.490.562	154.812.217.543

5. Phải thu khác

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khác	42.979.508	146.985.698
Cộng	42.979.508	146.985.698

6. Hàng tồn kho

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	111.699.852	248.287.452
Hàng hóa	96.438.924.033	68.793.765.126
Cộng	96.550.623.885	69.042.052.578

7. Chi phí trả trước

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
a.Ngắn hạn		
Chi phí khác	40.330.148	135.022.571
Cộng	40.330.148	135.022.571
b.Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.092.076.466	2.028.174.683
Cộng	2.092.076.466	2.028.174.683

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lắp đặt hệ thống Pacs BV An Giang	2.845.162.035	2.845.162.035
Lắp đặt hệ thống Pacs BV Tân Châu	6.090.503.830	6.090.503.830
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng khám Thanh Sơn	4.601.272.727	4.601.272.727
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng khám Ba Đình	3.454.662.273	3.454.662.273
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	6.400.272.727	-
Mua sắm tài sản cố định khác	447.528.182	447.528.182
Cộng	23.839.401.774	17.439.129.047

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Leopard	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại AT&T	-	-	1.632.420.359	1.632.420.359
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	268.333.333	268.333.333	1.150.000.000	1.150.000.000
Công ty TNHH TMQT Cysina Việt pháp	538.113.500	538.113.500	357.714.300	357.714.300
Công ty CP ĐT BV Việt Mỹ	1.520.000.000	1.520.000.000	173.912.130	173.912.130
Công ty CP Sara Việt Nam	560.388.900	560.388.900	-	-
JWB CO.,LTD	222.469.000	222.469.000		
Công ty CP ĐTTM Máy Nông nghiệp Hòa Bình	1.365.000.000	1.365.000.000		
Phải trả các đối tượng khác	941.686.675	941.686.675	715.413.607	715.413.607
Cộng	5.465.991.408	5.465.991.408	4.079.460.396	4.079.460.396

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/09/2022
	VND			VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.055.177	176.410.461	55.737.638	123.728.000
Thuế thu nhập DN	886.751.770	419.682.262	886.751.770	419.682.262
Thuế thu nhập cá nhân	124.914.554	132.195.077	190.815.959	66.293.672
Thuế xuất nhập khẩu		485.872.135	485.872.135	
Thuế khác	-	35.000.000	35.000.000	-
Cộng	1.014.721.501	1.249.159.935	1.654.177.502	609.703.934

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Phải trả khác ngắn hạn

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả khác	951.613.614	155.433.869
Cộng	951.613.614	155.433.839

12. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng bảo hành, bảo trì sản phẩm hàng hóa	-	-
Dự phòng bảo hành, bảo trì công trình lắp đặt	-	-
Cộng	-	-

13. Vốn chủ sở hữu

a Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2022	%	01/01/2022	%
	VND		VND	
Vốn góp của các cá nhân	296.999.910.000	100	197.999.940.000	100
Cộng	296.999.910.000	100	197.999.940.000	100

b Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	197.999.940.000	115.499.940.000
Vốn góp tăng trong kỳ	98.999.970.000	82.500.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	296.999.910.000	197.999.940.000

c Cổ phiếu

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.699.991	19.799.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.699.991	19.799.994
<i>- Cổ phiếu phổ thông</i>	29.699.991	19.799.994
Số lượng cổ phiếu được mua lại	29.699.991	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.699.991	19.799.994

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	19.799.994
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Doanh thu bán hàng	10.671.963.288	14.350.332.028
Cộng	10.671.963.288	14.350.332.028

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.547.062.883	6.875.436.130
Cộng	7.547.062.883	6.875.436.130

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	875.204	265.792
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán cổ phiếu	-	-
Cộng	875.204	265.792

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Chi phí tài chính	28.994.000	2.312.500
Cộng	28.994.000	2.312.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng	686.570.620	35.800.000
Cộng	686.570.620	35.800.000
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.199.481.064	10.920.268
Cộng	2.199.481	1.706.214.760

6. Thu nhập khác

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Thu nhập khác	-	-
Cộng	-	-

7. Chi phí khác

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Chi phí khác	24.174.202	101.529.410
Cộng	24.174.202	101.529.410

8. Lãi trên cổ phiếu

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	330.730.900	6.175.809.324
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	29.699.991	19.799.994
Lãi trên cổ phiếu	11	312

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và số liệu cho kỳ kế toán từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 do Công ty tự lập.

Người lập biểu



Vũ Thị Liên

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngọc

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022